

Bài 9 BÀI TOÁN VỀ THÊM, BỚT MỘT SỐ ĐƠN VỊ (2 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết được bài toán về thêm, bớt một số đơn vị. Biết giải và trình bày bài giải bài toán về thêm, bớt (có một bước tính).
- Vận dụng giải được các bài toán về thêm, bớt một số đơn vị (liên quan đến ý nghĩa thực tiễn của phép tính).

Phát triển năng lực

Thông qua hoạt động giải bài toán thực tế về thêm, bớt một số đơn vị (trình bày, diễn đạt, nói, viết) HS được phát triển năng lực giải quyết vấn đề và năng lực giao tiếp toán học.

II CHUẨN BỊ

Tùy điều kiện thực tế (về cơ sở vật chất, đối tượng HS), GV có thể chiếu các hình minh họa ở mỗi đề toán trong SGK hoặc các bài toán tương tự, phù hợp vùng, miền, rồi lồng ghép vào câu chuyện để gây hứng thú học tập cho HS khi giải toán có lời văn.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Giải bài toán về thêm một số đơn vị

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: HS tự khám phá được kiến thức mới, nhận biết bài toán về thêm một số đơn vị, cách giải và trình bày bài giải bài toán đó; vận dụng vào giải các bài toán thực tế về thêm một số đơn vị.

1. Khám phá

- Cách tiếp cận:

Bài toán thực tế → Cách giải → Trình bày cách giải

- Qua đề toán dẫn, GV hỏi: “Bài toán cho biết gì, hỏi gì?” và HS trả lời.

- GV hướng dẫn HS tóm tắt bài toán, chẳng hạn:

Tóm tắt

Có: 8 quả trứng

Thêm: 2 quả trứng

Có tất cả: ... quả trứng?

- GV hướng dẫn cách trình bày bài giải:

Bài giải

Số quả trứng có tất cả là:

$$8 + 2 = 10 \text{ (quả)}.$$

Đáp số: 10 quả trứng.

- Lưu ý: Khi thực hiện giải bài toán có lời văn, GV nên nêu thành 3 bước giải (như đã học):

+ Tìm hiểu, phân tích, tóm tắt đề bài (phần này không cần ghi vào bài giải).

+ Tìm cách giải bài toán (tìm phép tính giải, câu lời giải).

+ Trình bày (viết) bài giải: Câu lời giải → Phép tính giải → Đáp số.

2. Hoạt động

Bài 1: Yêu cầu HS nêu, viết số thích hợp vào ô có dấu “?” ở bài giải (theo mẫu).

- GV nên cho HS thực hiện qua các bước (giải quyết vấn đề):

+ Phân tích đề bài (cho biết gì, hỏi gì?), rồi tóm tắt bài toán.

+ Cho HS tự tìm ra cách giải bài toán.

+ Nêu, viết cách trình bày bài giải (không phải ghi tóm tắt vào bài giải).

Chẳng hạn:

Bài giải

Số bông hoa có tất cả là:

$$9 + 6 = 15 \text{ (bông)}$$

Đáp số: 15 bông hoa.

- Lưu ý: Bước đầu cho HS biết phân tích đề bài, từ đó tìm ra cách giải, rồi mới trình bày bài giải (HS tự làm theo các bước giải toán, lúc đầu có thể chật, GV không nên làm hộ HS các bước này).

Bài 2: Yêu cầu HS nêu, viết số hoặc dấu phép tính thích hợp vào ô có dấu “?” ở bài giải (theo mẫu).

Tương tự bài 1, GV nên cho HS thực hiện qua các bước (giải quyết vấn đề), sau đó trình bày lại bài giải. Chẳng hạn:

Bài giải

Số bạn chơi kéo co có tất cả là:

$$8 + 4 = 12 \text{ (bạn)}$$

Đáp số: 12 bạn.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Giải bài toán về bớt một số đơn vị

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: HS tự khám phá được kiến thức mới, nhận biết bài toán về bớt một số đơn vị, cách giải và trình bày bài giải bài toán đó; vận dụng vào giải các bài toán thực tế về bớt một số đơn vị.

1. Khám phá

- Cách tiếp cận:



- Thực hiện các bước giải bài toán như ở khám phá tiết 1, gồm:

- + Tìm hiểu phân tích, tóm tắt đề bài.
- + Tìm cách giải bài toán (tìm phép tính giải, câu lời giải);
- + Trình bày bài giải, chẳng hạn:

Bài giải

Số con chim còn lại là:

$$10 - 3 = 7 \text{ (con)}$$

Đáp số: 7 con chim.

- Lưu ý: Không nhất thiết HS phải viết phần tóm tắt vào bài làm (nhưng nên cho HS nêu tóm tắt), GV ghi hộ hoặc cho một vài em lên bảng viết tóm tắt (bước này là cần thiết để phát triển tư duy).

2. Hoạt động

- Thực hiện giải bài toán theo các bước tương tự giải bài toán ở phần khám phá (tìm hiểu xem bài toán cho biết gì, hỏi gì, tìm phép tính giải rồi trình bày bài giải). Chẳng hạn:

Bài giải

Số con lợn còn lại là:

$$15 - 5 = 10 \text{ (con)}$$

Đáp số: 10 con lợn.

- Lưu ý: HS chỉ cần nêu, ghi số thích hợp vào ô có dấu “?” (theo SGK). Nếu có điều kiện, GV cho HS tự viết bài giải đầy đủ vào vở.

3. Luyện tập

Bài 1: Dạng bài giải bài toán theo tóm tắt. Yêu cầu HS nêu thành bài toán rồi giải và trình bày bài giải (tương tự ở phần khám phá trang 36, Toán 2 tập một). Chẳng hạn:

Bài giải

Số thuyền có tất cả là:

$$9 + 4 = 13 \text{ (thuyền)}$$

Đáp số: 13 thuyền.

Bài 2: Dạng bài giải toán có lời văn. Yêu cầu HS nêu tóm tắt rồi giải và trình bày bài giải. Chẳng hạn:

Bài giải

Số bạn trên xe còn lại là:

$$14 - 3 = 11 \text{ (bạn)}$$

Đáp số: 11 bạn.

KẾT NỐI TRÍ THỨC